

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4051/SNN&PTNT-ĐĐ

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 10 năm 2019

V/v báo cáo tình hình khắc phục hậu quả của đợt mưa, lũ từ ngày 28 đến 31/8/2018 và ảnh hưởng của bão số 3 năm 2019 gây ra trên địa bàn tỉnh.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại các Công văn: Số 11815/UBND-NN ngày 26/9/2018, số 11408/UBND-NN ngày 29/8/2019 trong đó yêu cầu triển khai thực hiện Thông báo Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả của đợt mưa, lũ từ ngày 28-31/8/2018 và mưa, lũ do bão số 3 năm 2019 gây ra trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở nội dung báo cáo của các cấp, các ngành và đơn vị liên quan, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh cập nhật tình hình khắc phục hậu quả so với báo cáo tại Công văn số 3949/SNN&PTNT-ĐĐ ngày 10/10/2019, cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ DO MƯA, LŨ TỪ NGÀY 28-31/8/2018**

**1. Khôi phục các công trình giao thông**

- Đối với công tác khắc phục, đảm bảo giao thông bước 2 trên các tuyến đường tỉnh: Sở Giao thông Vận tải được giao làm chủ đầu tư 5 công trình khắc phục, xử lý khẩn cấp; trong đó, đã thi công hoàn thành 3 công trình (ĐT.521B, 520B, ĐT 530); còn lại 2 công trình (ĐT.521E; ĐT.521D) đang triển khai thi công, khối lượng ước đạt 15%.

- Đối với các tuyến đường huyện, đường xã, đường thôn, bản: Hiện nay có 5 công trình đang triển khai thi công, khối lượng ước đạt từ 31-95% (có phụ lục 1 kèm theo).

**2. Khôi phục về các công trình thủy lợi, đê điều, nước sạch:** Hiện nay có 8 công trình đang triển khai thi công, khối lượng ước đạt từ 68-97% (có phụ lục 2 kèm theo).

**3. Khôi phục về trường học:** Hiện nay có 8 điểm trường đang triển khai xây dựng mới (Thạch Thành 1 điểm trường, Mường Lát 7 điểm trường), với khối lượng ước đạt từ 43-98% (có phụ lục 3 kèm theo).

**II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ MƯA, LŨ DO BÃO SỐ 3 NĂM 2019**

**1. Hỗ trợ về lương thực:** Thực hiện Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 24/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp gạo từ nguồn dự trữ Quốc gia cho tỉnh Thanh Hóa để cứu đói cho nhân dân bị ảnh hưởng do mưa, bão gây ra, trong đó hỗ trợ cho tỉnh 385,965 tấn gạo; UBND tỉnh đã giao các đơn vị liên quan khẩn trương tiếp nhận và thực hiện cấp hỗ trợ gạo cứu trợ cho nhân dân kịp thời; đến

ngày 15/10/2019, đã hoàn thành việc cấp phát gạo cho các hộ bị thiếu đói do thiên tai, bảo đảm đúng đối tượng và đủ số lượng.

## **2. Khắc phục về nhà ở và xây dựng các khu tái định cư**

### **2.1. Kết quả khắc phục về nhà ở**

- *Huyện Mường Lát*: 169 hộ (106 hộ có nhà bị thiệt hại >50% hoặc phải di dời khẩn cấp và 63 hộ có nhà bị thiệt hại <50%):

+ 106 hộ có nhà bị thiệt hại >50% hoặc phải di dời khẩn cấp: 32 hộ đã hoàn thành việc xây dựng nhà mới; 26 hộ đang xây dựng nhà mới; 1 hộ đang tập kết vật liệu để xây dựng nhà mới; còn lại 47 hộ đang chờ mặt bằng trong khu tái định cư để xây dựng nhà mới.

+ 63 hộ có nhà bị thiệt hại <50%: 48 hộ đã hoàn thành việc xây dựng nhà mới, 7 hộ đang tu sửa, khắc phục; còn lại 8 hộ đang tập kết vật liệu để tu sửa, khắc phục.

- Ngày 11/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4176/QĐ-UBND, điều động 70 cán bộ, chiến sỹ của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và 3 xe chở quân của Sở Giao thông Vận tải lên địa bàn huyện Quan Sơn để thực hiện nhiệm vụ giúp nhân dân địa phương di dời và làm nhà ở cho đồng bào tại khu tái định cư sau mưa lũ.

**2.2. Công tác xây dựng các khu tái định cư tại huyện Quan Sơn:** Hiện nay đơn vị thi công đang thực hiện san, ủi mặt bằng khu tái định cư bản Sa Ná, xã Na Mèo, khối lượng ước đạt 75%.

**3. Khắc phục nhà văn hóa bản Sa Ná, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn:** Hiện nay, công trình đang triển khai thi công, khối lượng ước đạt 65%.

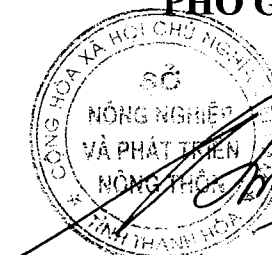
*(Các nội dung khác không thay đổi so với báo cáo tại Công văn số 3949/SNN&PTNT-ĐĐ ngày 10/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ./. *Ntun*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, ĐĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đặng Tiến Dũng**

**PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ KHÔI PHỤC CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG (ĐƯỜNG HUYỆN, XÁ, THÔN, BÁN)**

(Kèm theo Công văn số: 4051 /SNN&PTNT-DD ngày 17/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT      | Chủ đầu tư/Tên công trình   | Địa điểm xây dựng (huyện) | Mục tiêu khác phục, sửa chữa                            | Kinh phí hỗ trợ | Phân nguồn |         | Tiến độ thực hiện      | Ghi chú |
|----------|---|---------------------------|---|-----------------|------------|---------|------------------------|---------|
|          |   |                           |   |                 | NS TW      | NS tỉnh |                        |         |
| <b>1</b> | <b>Tổng cộng</b><br><b>UBND huyện Mường Lát</b>   |                           |   |                 |            |         |                        |         |
| 1.1      | Sửa chữa tuyến đường giao thông từ cầu bản Lát đi mốc G3, xã Tam Chung, huyện Mường Lát   | Mường Lát                 | Xử lý, khắc phục thiệt hại                              | 20.000          | 20.000     |         | Khối lượng ước đạt 95% |         |
| 1.2      | Cầu treo bản Đoàn Kết, xã Tén Tàn, huyện Mường Lát  | Mường Lát                 | Xử lý, khắc phục thiệt hại                              | 10.000          | 10.000     |         | Khối lượng ước đạt 36% |         |
| <b>2</b> | <b>Huyện Cẩm Thủy</b><br>Đường cứu hộ, cứu nạn tránh lũ từ xã Cẩm Sơn đi xã Cẩm Yên, huyện Cẩm Thủy                               | Cẩm Thủy                  | Cải tạo, nâng cấp đê bảo cứu hộ, cứu nạn và tránh lũ    | 15.000          | 10.000     | 5.000   | Khối lượng ước đạt 32% |         |
| <b>3</b> | <b>Huyện Quan Sơn</b><br>Cải tạo, khắc phục tuyến đường giao thông từ xã Sơn Hà đi xã Tam Lư (3 km đoạn bị sạt lở nặng, sửa tràn) | Quan Sơn                  | Xử lý, khắc phục 3 km đường bị thiệt hại, sửa chữa tràn | 10.000          |            | 10.000  | Khối lượng ước đạt 63% |         |
| 3.2      | Trần bản Ngâm, xã Tam Thanh   | Quan Sơn                  | Làm mới, đê bảo giao thông                              | 3.000           |            | 3.000   | Khối lượng ước đạt 31% |         |

**PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ KHÔI PHỤC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, ĐỀ ĐIỀU, NƯỚC SẠCH**  
(Kêri theo Công văn số: 4051/SNN&PTNT-ĐĐ ngày 17/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Địa điểm/Tên công trình   | Chủ đầu tư                           | Mục tiêu khác phục, sửa chữa   | Kinh phí hỗ trợ | Phân nguồn   |                | Tiến độ thực hiện      | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------------------|--|-----------------|--------------|----------------|------------------------|---------|
|     |   |                                      |  |                 | Ngân sách TW | Ngân sách tỉnh |                        |         |
|     | <b>Tổng cộng</b>  |                                      |  |                 |              |                |                        |         |
|     | <b>Huyện Thọ Xuân</b>   |                                      |  |                 |              |                |                        |         |
| 1   | Đê hữu sông Chu đoạn K18+600-K18+950 (đê cấp I), xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân                               | Sở Nông nghiệp và PTNT               | Xử lý sạt lở   | 10.000          | 10.000       |                | Khối lượng ước đạt 87% |         |
| 2   | <b>Huyện Thiệu Hóa</b>  |                                      |  |                 |              |                |                        |         |
|     | Đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700-K33+100, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa                                     | Sở Nông nghiệp và PTNT               | Xử lý sạt lở   | 10.000          | 10.000       |                | Khối lượng ước đạt 68% |         |
| 3   | <b>Huyện Vĩnh Lộc</b>   |                                      |  |                 |              |                |                        |         |
|     | Đê tá sông Mã - Khu dân cư phía thượng lưu cầu Kiều, xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc                           | Sở Nông nghiệp và PTNT               | Xử lý sạt lở   | 7.000           | 7.000        |                | Khối lượng ước đạt 74% |         |
| 3.1 |   |                                      |  |                 |              |                |                        |         |
| 3.2 | Đê hữu sông Bưởi đoạn từ K16+571-K16+611, xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc                                     | Sở Nông nghiệp và PTNT               | Xử lý sạt lở và chống thấm lậu đê  | 4.500           |              | 4.500          | Khối lượng ước đạt 97% |         |
| 4   | <b>Huyện Cẩm Thủy</b>   |                                      |  |                 |              |                |                        |         |
|     | Sửa chữa, nâng cấp hồ Bén Bằng, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy  | Sở Nông nghiệp và PTNT               | Sửa chữa, nâng cấp hồ  | 8.000           | 8.000        |                | Khối lượng ước đạt 88% |         |
| 5   | <b>Huyện Yên Định</b>   |                                      |  |                 |              |                |                        |         |
|     | Kè Đính Tân đoạn K19+470-K19+670 đê hữu sông Mã, xã Đính Tân, huyện Yên Định                                | Sở Nông nghiệp và PTNT               | Xử lý sạt lở   | 4.000           |              | 4.000          | Khối lượng ước đạt 75% |         |
| 6   | <b>Huyện Mường Lát</b>  |                                      |  |                 |              |                |                        |         |
|     | Sửa chữa kênh mương Pom Bưởi từ bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi về thị trấn Mường Lát và kinh phí giải phóng mặt bằng | Công ty TNHH một thành viên Sông Chu | Xây dựng hệ thống đường ống cung cấp nước tưới và nhà máy nước sạch thị trấn Mường Lát | 23.918          | 23.000       | 918            | Khối lượng ước đạt 79% |         |
| 7   | <b>Huyện Quan Hóa</b>   |                                      |  |                 |              |                |                        |         |
|     | Nâng cấp, khác phục sửa chữa đường nước sinh hoạt tại huyện Quan Hóa  | Sở Nông nghiệp và PTNT               | Khác phục sửa chữa đường nước sinh hoạt tại một số bản bị hỏng                         | 4.500           | 2.500        | 2.000          | Khối lượng ước đạt 74% |         |

**PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ KHÔI PHỤC CÁC CÔNG TRÌNH TRƯỜNG HỌC**  
(Kèm theo Công văn số: 4051 /SNN&PTNT-DD ngày 17/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT      | Địa điểm xây dựng (chủ đầu tư)/Tên công trình             | Mục tiêu khác phục, sửa chữa   | Kinh phí hỗ trợ | Phân nguồn   |                    |                | Tiến độ thực hiện      | Ghi chú  |
|----------|---|--|-----------------|--------------|--------------------|----------------|------------------------|--|
|          |   |  |                 | Ngân sách TW | Sự nghiệp giáo dục | Nguồn huy động |                        |  |
|          | <b>Tổng cộng</b>  |  |                 |              |                    |                |                        |  |
| <b>1</b> | <b>Huyện Mường Lát</b>                                    |  |                 |              |                    |                |                        |  |
| 1.1      | Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Tam Chung (bản Lát) |  | 12.000          | 8.000        |                    | 4.000          | Khối lượng ước đạt 52% | 4.000 trđ (Vingroup + Quỹ thiện tâm)             |
| 1.2      | Trường Tiểu học Tam Chung (bản Lát)                       |  | 7.000           | 5.000        |                    | 2.000          | Khối lượng ước đạt 94% | 2.000 trđ (Vingroup + Quỹ thiện tâm)             |
| 1.3      | Trường THCS Pù Nhi (bản Na Tao)                           | Xử lý thiệt hại, trong đó ưu tiên nhà lớp học, nhà ở bán trú, hệ thống điện nước và bổ sung trang thiết bị | 6.000           |              | 4.000              | 2.000          | Khối lượng ước đạt 67% | 2.000 trđ (Vingroup + Quỹ thiện tâm)             |
| 1.4      | Trường Tiểu học Trung Lý 2 (bản Lìn)                      |  | 3.000           |              | 3.000              |                | Khối lượng ước đạt 47% |  |
| 1.5      | Trường Mầm non Trung Lý 2 (bản Lìn)                       |  | 3.000           |              | 3.000              |                | Khối lượng ước đạt 43% |  |
| 1.6      | Trường THCS Mường Chanh                                   |  | 3.000           |              | 3.000              |                | Khối lượng ước đạt 92% |  |
| 1.7      | Trường Tiểu học Nhi Sơn (bản Pá Hộc)                      |  | 3.000           |              | 3.000              |                | Khối lượng ước đạt 77% |  |
| <b>2</b> | <b>Huyện Thạch Thành</b>                                  |  |                 |              |                    |                |                        |  |
|          | Trường THCS Thành Thọ                                     | Xây dựng mới nhà lớp học và công trình phụ trợ   | 7.000           |              | 6.000              | 1.000          | Khối lượng ước đạt 98% | Nguồn NS tỉnh hỗ trợ và huyện huy động thực hiện |